

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/HSST

Ngày: 18/07/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn K

- Hội thẩm nhân dân: +. Ông: Trần Văn L

+ . Ông: Nguyễn Tất Q

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hoàng Thị H – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:* Ông Trần Xuân T – Kiểm sát viên VKSND huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Ngày 18/07/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, Tòa án nhân dân huyện Đô Lương mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 58/2019/HSST ngày 14 tháng 06 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị T, sinh ngày 15/10/1988 tại huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Nơi cư trú: Xóm 09, xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 12/12. Nghề nghiệp: Làm ruộng

Con ông: Nguyễn Kim C, sinh năm 1962

Con bà: Hoàng Thị Đ, sinh năm 1962

Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con thứ 01 trong gia đình

Chồng: Nguyễn Văn N, sinh năm 1985

Con: 03 con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016. Bị cáo hiện đang mang thai.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

- **Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Thị T:** Luật sư Nguyễn Thị H

Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+. Anh: Đoàn Văn T, sinh năm 1992. Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm 05, xã Nhân Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An

Cán bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội phòng giao dịch Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

+. Anh: Đào Công L, sinh năm 1987. Có mặt.

Nơi cư trú: Xóm 04, xã Tân Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

+. Chị: Phan Thị H, sinh năm 1991. Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm Tân Sơn, xã Thanh Lâm, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

Nơi làm việc: Văn phòng công chứng Nguyễn Đồng tại xã Yên Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18/12/2018, Nguyễn Thị T đã sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CK600391, thửa đất số 620, tờ bản đồ số 15, diện tích 257,3m² địa chỉ xóm 09, xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An mang tên chủ sử dụng đất Nguyễn Văn N và vợ Trần Thị H là giấy chứng nhận giả để làm thủ tục thế chấp vay Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn – Hà Nội (*Sau đây viết tắt là SHB*), phòng giao dịch huyện Đô Lương số tiền 150.000.000 đồng thì bị cán bộ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – UBND huyện Đô Lương trong khi làm thủ tục hồ sơ đăng ký giao dịch bảo đảm phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CK600391 là giấy chứng nhận giả.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị T khai nhận: Vào tháng 11/2018, bị cáo vào thành phố Hồ Chí Minh chăm chồng là Nguyễn Văn N bị ốm. Khi đi bị cáo mang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CK600391, thửa đất số 620, tờ bản đồ số 15, diện tích 257,3m² địa chỉ xóm 09, xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An mang tên chủ sử dụng đất của vợ chồng bị cáo là Nguyễn Văn N và Nguyễn Thị T. Thời gian chăm sóc chồng tại thành phố Hồ Chí Minh, bị cáo có đến quán photocopy tại quận Bình Thạnh để photocopy các giấy tờ nhập viện cho chồng thì thấy quán photocopy này có Scan màu được các loại giấy tờ nên bị cáo nảy sinh ý định Scan một bản giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất của vợ chồng ra một bản, mục đích lúc nào cần thì sử dụng bản gốc để vay tiền, bản Scan để tránh trường hợp bố mẹ chồng hỏi còn có cái mà đưa cho họ xem. Tuy nhiên, do bị cáo đang dùng chứng minh nhân dân thế chấp để vay số tiền 75.000.000 đồng của chị Hoàng Thị L, sinh năm 1972, trú tại khối 04, thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương, do lo sợ không vay thế chấp tại ngân hàng được nên bị cáo nảy sinh ý định thay tên mình trong giấy chứng nhận bằng tên bạn của bị cáo là chị Trần Thị H để có gì nhờ H vay hộ. Bị cáo đặt vấn đề Scan giấy chứng nhận nhưng thay tên của mình bằng tên Trần Thị H trong giấy chứng nhận, chủ quán photocopy có hỏi mục đích để làm gì, bị cáo trả lời *“Không làm gì cả, chỉ để trong nhà vậy thôi, chị cứ làm cho em đi”*. Chủ quán photocopy nói *“Trong nhà thì được, chứ không đưa vào các cơ quan pháp luật”* và đồng ý làm cho bị cáo, tiền công hết 50.000đồng. Sau khi làm được giấy chứng nhận giả bị cáo mang về quê, đến ngày 14/12/2018 do đến hạn trả nợ và bị chị Nguyễn Thị L thúc giục, bị cáo nảy sinh ý định mang giấy chứng nhận giả đã Scan trước đó ra SHB phòng giao dịch Đô Lương làm thủ tục để vay số tiền 150.000.000 đồng. Khi đến ngân hàng, anh Đoàn Văn T - cán bộ SHB hướng dẫn làm thủ tục và về tại nhà của bị cáo tại xóm 09, xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương để thẩm định. Vì chị H đã đi khỏi địa phương không nhờ được nên bị cáo mang Giấy chứng minh nhân dân photocopy của chị H mà bị cáo có trước đó cùng với sổ hộ khẩu của gia đình đến quán photocopy Mạo Hoa ở xóm Yên Hoa, xã Yên Sơn, huyện Đô Lương dùng ảnh của mình dán vào giấy chứng minh nhân dân của chị Trần Thị H và thay tên Trần Thị H sang tên mình ở trong sổ hộ khẩu gia đình để photocopy thành 01 sổ khác. Cùng thời điểm này do chồng bị cáo đang đi làm ăn tại thành phố Hồ Chí Minh không về kịp nên bị cáo gọi điện cho bạn là anh Đào Công L, nhờ anh L chụp một tấm hình chân dung gửi qua mạng Zalo cho bị cáo. Sau đó bị cáo đến hiệu ảnh Dũng Hà ở thị trấn Đô Lương, huyện Đô Lương in ảnh của anh L ra và dán vào giấy chứng minh nhân dân photocopy của chồng bị cáo rồi photocopy ra một bản. Đến ngày 18/12/2018, bị cáo liên lạc nhờ anh L lên ký thay chồng bị cáo vào hồ sơ vay tiền, anh L đến phòng giao dịch SHB chi nhánh Đô Lương có hỏi bị cáo vì sao chồng bị cáo là anh N không ký, anh N đã đồng ý chưa. Bị cáo nói với anh L do chồng bị cáo không về được, nhờ anh L ký thay thì được anh Lợi đồng ý. Sau đó bị cáo cùng anh Lợi vào phòng giao dịch SHB chi nhánh Đô Lương, anh L ngồi phía ngoài gần cửa ra vào, bị cáo vào gặp anh T để làm thủ tục. Tại đây, anh T giải thích quyền, nghĩa vụ và làm các thủ tục liên quan và đưa cho bị cáo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

số 57/2018/HĐTC-CN/SHB.120207 ngày 18/12/2018 để bị cáo và anh Lợi ký vào đó. Sau đó bị cáo cùng với anh T, anh L đi đến Văn phòng công chứng Nguyễn Đồng thuộc xã Yên Sơn, huyện Đô Lương để làm thủ tục công chứng. Tại đây bị cáo gặp chị Phan Thị H – Nhân viên văn phòng công chứng Nguyễn Đồng yêu cầu làm thủ tục. Khi tiến hành làm thủ tục, chị H yêu cầu bị cáo đưa giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gốc ra để đối chiếu thì bị cáo nói: *“Làm giúp em một bản để em đưa qua Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất cho kịp giờ, còn để chồng em về lấy giấy tờ gốc ra sau”*. Do nghĩ quy định vay thế chấp tại ngân hàng phải đủ 04 bộ công chứng hợp đồng thế chấp mới vay được tiền nên chị H làm trước cho bị cáo 01 bộ, còn 03 bộ khác chờ vợ chồng T đưa giấy tờ gốc ra mới làm. Ra khỏi phòng công chứng, bị cáo nói anh L đi về, còn bị cáo cầm hợp đồng thế chấp đã công chứng cùng với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã Scan trước đó đi đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Đô Lương gặp chị Nguyễn Thị N – Cán bộ xử lý giao dịch đảm bảo để làm thủ tục. Khi kiểm tra, chị N phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản có trên đất mà bị cáo mang đến là bản Scan nên đã báo với lãnh đạo phòng, đồng thời tạm giữ giấy chứng nhận Scan đó. Ngày 20/12/2018, chị N đến cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đô Lương tố giác về hành vi của Nguyễn Thị T và giao nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản có trên đất bản Scan mà chị N đã tạm giữ của bị cáo trước đó.

Tại bản kết luận giám định số 82/KL-PC09 (GĐKTHSTT) ngày 29/01/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CK600391, thửa đất số 620, tờ bản đồ số 15, diện tích 257,3m² địa chỉ xóm 09, xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An mang tên chủ sử dụng đất Nguyễn Văn N và Trần Thị H là giả.

Tại bản cáo trạng số 61/CT - VKS ngày 12/06/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương giữ quyền công tố và luận tội vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị:

- Áp dụng khoản 1 Điều 341, các điểm i, s, n khoản 1 Điều 51, Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng

án treo; Thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người bào chữa của bị cáo phát biểu quan điểm như sau: Thống nhất với nội dung truy tố của Viện kiểm sát tại cáo trạng, không có ý kiến gì về tội danh, điều luật và mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, hoàn cảnh bị cáo hết sức khó khăn, gia đình thuộc diện hộ nghèo, các con còn nhỏ; bị cáo đang mang thai quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Vì vậy, đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt và miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị T nhận tội, đề nghị HĐXX xem xét, giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi tố tụng và quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở để kết luận:

Vào ngày 18/12/2018, Nguyễn Thị T đã sử dụng 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CK600391, thửa đất số 620, tờ bản đồ số 15, diện tích 257,3m² địa chỉ xóm 09, xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An mang tên chủ sử dụng đất Nguyễn Văn N và vợ Trần Thị H là giấy chứng nhận giả để làm thủ tục thế chấp vay SHB phòng giao dịch huyện Đô Lương số tiền 150.000.000 đồng thì bị cán bộ Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất – UBND huyện Đô Lương trong khi làm thủ tục hồ sơ đăng ký giao dịch bảo đảm phát hiện giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CK600391 là giấy chứng nhận giả.

Hành vi làm giả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CK600391 nhằm lừa dối các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền làm thủ tục để vay tiền SHB của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương truy tố bị cáo về “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét tính chất vụ án: Vụ án có tính chất ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ việc làm của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Việc điều tra, truy tố và đưa bị cáo ra xét xử là việc làm hết sức cần thiết có tác dụng giáo dục và ngăn ngừa chung đối với những ai đang có ý định làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Tại thời điểm phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào nhưng có 03 tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, trong quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải; bị cáo đang mang thai; Các tình tiết giảm nhẹ này quy định tại điểm i, s, n khoản 1 Điều 51 BLHS. Đánh giá toàn diện vụ án, căn cứ vào nguyên tắc xử lý người phạm tội quy định tại d khoản 1 Điều 3 BLHS và mục đích của hình phạt cần cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật khi lượng hình; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo tốt, có địa chỉ cư trú rõ ràng, đang mang thai. Vì vậy chưa cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại địa phương như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng đủ răn đe và giáo dục thành công dân có ích cho xã hội. Mức hình phạt từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 đến 24 tháng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

Trong vụ án này, tài sản để thế chấp vay tiền của SHB là tài sản có thật thuộc quyền sử dụng và sở hữu của vợ chồng bị cáo. Chỉ vì cần làm thủ tục vay tiền SHB trong khi không có giấy chứng minh nhân dân của mình, bị cáo đã

Scan họ tên, năm sinh của chị Trần Thị H thay tên của mình vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Scan giả và nhờ anh Đào Công L thay anh Nguyễn Văn N – chồng bị cáo (Đang đi làm ăn xa) đi làm thủ tục để vay tiền, thực tế bị cáo chưa vay được tiền của SHB. Hành vi này không cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là có căn cứ.

Đối với người phụ nữ bị cáo thuê Scan giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng không xác định được lý lịch, địa chỉ cụ thể nên chưa có cơ sở để xử lý là đúng quy định. Đối với hành vi của anh Đào Công L, chị Phan Thị H, anh Đoàn Văn T chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cơ quan điều tra không xem xét, xử lý là đúng quy định.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 4 Điều 341, người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng nhưng bị cáo thuộc diện hộ nghèo nên cần miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 341, các điểm i, s, n khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị T phạm “Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 09 (Chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thử thách 18 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/07/2019).

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND xã Trảng Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người bị kết án thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bị cáo; NCQLNVLQ
- VKSND H. Đô L-ơng;
- Cơ quan CSĐT CA H. Đô L-ơng;
- Chi cục THA dân sự H. Đô L-ơng;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- L-ưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Văn K

